

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2020/QĐST-VDS

Mỹ Lộc, ngày 17 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Chấm dứt việc nuôi con nuôi

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Đức Cường.

Thư ký phiên họp: Ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên họp: Bà Thiều Thị Lan Anh, là Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2020/TLST-VDS ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2020/QĐST-VDS ngày 06 tháng 7 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải việc dân sự:

1. Chị Trần Thị Kim H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm P, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

2. Ông Trần Quốc N, sinh năm 1949.

3. Bà Vũ Thị B, sinh năm 1958.

Người đại diện hợp pháp của bà Vũ Thị B: Ông Trần Quốc N, sinh năm 1949, là người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị B (Giấy ủy quyền ngày 30 tháng 6 năm 2020).

Ông N và bà B cùng nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên họp, có mặt ông N, vắng mặt chị H và bà B.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu, các bản tự khai và tại phiên họp người yêu cầu là chị Trần Thị Kim H, ông Trần Quốc N và bà Vũ Thị B trình bày: Do quen biết giữa vợ chồng ông N, bà B với bố mẹ của chị H. Ông N và bà B mong muốn lúc tuổi già có người chăm sóc nên giữa ông N, bà B và bố mẹ của chị H thỏa thuận để ông N và bà B nhận chị H làm con nuôi. Hai bên gia đình hoàn tất hồ sơ thủ tục cho và nhận con nuôi, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định ban hành Quyết định công nhận nuôi con nuôi số: 01/QĐ/UB ngày 19 tháng 02 năm 2002, công nhận ông Trần Quốc N, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1950 và bà Vũ Thị B, sinh ngày 05 tháng 3 năm 1958 là cha mẹ nuôi của chị Trần Thị Kim H, sinh ngày 26 tháng 02 năm 1987.

Để giải quyết lý lịch tư pháp nên giữa chị H và vợ chồng ông N, bà B cùng thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi đã được xác lập bằng Quyết định công nhận nuôi con nuôi số: 01/QĐ/UB ngày 19 tháng 02 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Về tài sản chung, giữa chị H và vợ chồng ông N, bà B thống nhất là không có.

Tại phiên họp, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên họp và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 25, Điều 26 của Luật Nuôi con nuôi; Điều 367, Điều 369, Điều 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự để chấp nhận yêu cầu của chị H, ông N và bà B về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của ông Trần Quốc N và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định nhận định:

[1] Về đương sự:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi và căn cước công dân, người yêu cầu là ông Trần Quốc N, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1949. Tại Quyết định công nhận nuôi con nuôi số 01/QĐ/UB, ngày 19 tháng 02 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã M, cha nuôi là ông Trần Quốc N, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1950. Nhưng tại đơn xin xác nhận thông tin cá nhân ngày 03 tháng 7 năm 2020, người làm đơn là ông Trần Quốc N, Công an xã M, huyện L, tỉnh Nam Định đã xác nhận công dân Trần Quốc N sinh ngày 15 tháng 5 năm 1949 có số căn cước công dân 036049001087 và Trần Quốc N, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1950 ghi trong Quyết định công nhận nuôi con nuôi số 01/QĐ/UB, ngày 19 tháng 02 năm 2002 là một người.

[2] Về yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi:

Chị H, sinh năm 1987 là con nuôi đã thành niên, ông N và bà B là cha mẹ nuôi, theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 26 của Luật Nuôi con nuôi, chị H, ông N và bà B có quyền yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi.

Chị H là con nuôi, ông N và bà B là cha mẹ nuôi đều có nguyện vọng chấm dứt việc nuôi con nuôi. Xét yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 25, các khoản 1 và 2 Điều 26 của Luật Nuôi con nuôi, với yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của chị H, ông N và bà B có căn cứ để chấp nhận yêu cầu.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ và con được thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Luật Nuôi con nuôi; Điều 78 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung:

Giữa chị H và vợ chồng ông N, bà B không có tài sản chung.

[4] Về lệ phí sơ thẩm:

Ông N và bà B có đơn đề nghị Tòa án cho miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự với lý do đều là người cao tuổi. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông N và bà B là người cao tuổi nên được miễn nộp lệ phí; chị H phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 25, các khoản 1 và 2 Điều 26, Điều 27 của Luật Nuôi con nuôi; Điều 78 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 149, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố chấp nhận đơn yêu cầu của chị Trần Thị Kim H, ông Trần Quốc N và bà Vũ Thị B về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi.

Chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha nuôi ông Trần Quốc N, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1949 và mẹ nuôi bà Vũ Thị B, sinh ngày 05 tháng 3 năm 1958 đối với con nuôi là Trần Thị Kim H, sinh ngày 26 tháng 02 năm 1987 (tại Quyết định công nhận nuôi con nuôi số 01/QĐ/UB, ngày 19 tháng 02 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định).

Quyền, nghĩa vụ giữa cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Quyền, nghĩa vụ giữa cha đẻ, mẹ đẻ và con đẻ được khôi phục kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi chấm dứt.

2. Về tài sản chung: Giữa chị H và vợ chồng ông N, bà B không có.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Quốc N và bà Vũ Thị B mỗi người được hoàn trả lại số tiền là 100.000 đồng.

Chị Trần Thị Kim H phải nộp lệ phí là 100.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, theo biên lai số AA/2017/0001519 ngày 19 tháng 6 năm 2020.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ông N có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Chị H và bà B có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định có quyền kháng nghị quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Người yêu cầu;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VP, hồ sơ VDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường